

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CHĂN NUÔI

CHUYÊN NGÀNH 1: KHOA HỌC VẬT NUÔI (CN1)

CHUYÊN NGÀNH 2: DINH DƯỠNG VÀ CÔNG NGHỆ THỨC ĂN CHĂN NUÔI (CN2)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TY03053: SINH SẢN GIA SÚC 1
(ANIMAL REPRODUCTION 1)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: Tổng số tín chỉ 2 (Lý thuyết: 1.5 – Thực hành: 0.5- Tự học: 6)
 - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 8 tiết (tương đương 16 tiết quy đổi)
- Giờ tự học: 90 tiết (*theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên*)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Ngoại Sản
 - Khoa: Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>				Chuyên ngành <input type="checkbox"/>			
		CN1		CN2		CN1		CN2	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành:
- Học phần tiên quyết: Sinh lý động vật 1 (CN02303)
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sinh lý sinh sản gia súc và các kỹ thuật sinh sản ứng dụng trên gia súc; rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về công nghệ sinh sản trên gia súc và như kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật sử dụng hormone sinh sản trong chăn nuôi – thú y, công nghệ cấy truyền phôi và điều khiển giới tính trong sinh sản vật nuôi.

*** Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Kết quả học tập mong đợi của chương trình Cử Nhân Chăn nuôi	
Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức tổng quát	CĐR 1: Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực Chăn nuôi
Kiến thức chuyên ngành	CĐR 2: Phân tích các yếu tố tác động đến sản xuất giống, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe vật nuôi
	CĐR 3: Đánh giá hiệu quả sản xuất giống, dinh dưỡng, chăm sóc vật nuôi
	CĐR 4: Thiết kế các chương trình sản xuất chăn nuôi đảm bảo phát triển bền vững
Kỹ năng tổng quát	CĐR 5: Vận dụng tư duy sáng tạo, tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu khoa học, thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả
	CĐR 6: Phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý
	CĐR 7: Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo quy định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên ngành	CĐR 8: Vận dụng các kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phục vụ NCKH, phát triển công nghệ và quản lý sản xuất ngành chăn nuôi có hiệu quả
	CĐR 9: Ứng dụng kỹ thuật, công nghệ và các mô hình phù hợp vào sản xuất chăn nuôi bền vững
	CĐR 10: Sử dụng công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại của ngành Chăn nuôi phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu đề ra
	CĐR 11: Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong chăn nuôi
Thái độ	CĐR 12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
	CĐR 13: Thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật
	CĐR 14: Thể hiện tinh thần học tập suốt đời.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
TY03053	Sinh sản gia súc 1		M					
		CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14
				P	P			

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng các kiến thức sinh lý sinh sản gia súc vào nâng cao hiệu quả chăn nuôi và năng suất sinh sản cho gia súc; trong nhân giống, chọn giống gia súc và bảo tồn động vật.	CĐR2
Kỹ năng		
K2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các qui trình kỹ thuật thông dụng trong đánh giá khả năng sinh sản vật nuôi nhằm nâng cao năng suất sinh sản và hiệu quả chăn nuôi gia súc.	CĐR11
K3	Sử dụng thành thạo các trang thiết bị đánh giá khả năng sinh sản vật nuôi và ứng dụng các kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất sinh sản	CĐR10
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K4	Tuân thủ đầy đủ các nội quy, quy định của lớp học, có tư duy độc lập, tự chịu trách nhiệm trước các hành vi của bản thân	CĐR12

III. Nội dung tóm tắt của học phần

Mã TY03053. Tên học phần. Sinh sản gia súc 1 (Tổng số tín chỉ 2: Tổng số tín chỉ lý thuyết :1,5 – Tổng số tín chỉ thực hành: 0,5 – Tổng số tín chỉ tự học: 6).

Mô tả vắn tắt nội dung: Sinh sản gia súc 1 gồm các nội dung liên quan đến hoạt động sinh sản của gia súc. Học phần mô tả về bản chất sinh học của sinh sản hữu tính, cơ chế sinh lý điều tiết quá trình sinh sản hữu tính, tính thành thực ở động vật có vú. Hoạt động sinh sản của gia súc đực và cái, sinh lý quá trình thụ tinh, hormone sinh sản và ứng dụng trong chăn nuôi – thú y. Kỹ thuật thụ tinh nhân tạo gia súc; công nghệ cấy truyền phôi và khái quát về điều khiển giới tính trong sinh sản vật nuôi.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên cung cấp cho sinh viên những kiến thức cập nhật về các nội dung của chương trình thông qua phương pháp thuyết trình với sự hỗ trợ của các thiết bị công nghệ thông tin.

2. Phương pháp học tập

Sinh viên theo dõi giảng viên thuyết trình đồng thời tương tác với giảng viên.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự đủ tối thiểu 80% thời lượng lý thuyết để đủ điều kiện dự thi cuối kì.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đủ số tiết thực hành.
- Thi giữa kì: Sinh viên phải tham gia thi giữa kì.
- Thi cuối kì: Sinh viên phải tham gia thi cuối kì.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kì: 30%
- Điểm kiểm tra cuối kì: 60%

Rubric đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình			
Rubric 1. Đánh giá chuyên cần	K4	10	Tuần 1-8
Rubric 2: Đánh giá thực hành	K2, K3		
Rubric 3. Đánh giá giữa kỳ	K1	30	Tuần 5
Đánh giá cuối kỳ			
Rubric 4. Thi cuối kỳ	K1	60	

Rubric 2 đánh giá thực hành là điều kiện để xét cho sinh viên được thi kết thúc học phần, sinh viên cần đạt điểm thực hành từ 5 điểm trở lên mới được công nhận hoàn thành nội dung thực hành và được thi kết thúc học phần.

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Thái độ tham dự	60	Tham gia đầy đủ các nội dung. Luôn chú ý và tích cực tham gia hỏi và trả lời các vấn đề liên quan tới nội dung môn học.	Tham gia đầy đủ các nội dung, có tham gia các hoạt động liên quan tới các nội dung môn học	Không tham gia đầy đủ các nội dung, không tham gia các hoạt động liên quan tới nội dung môn học	Không tham gia lớp đủ số buổi qui định
Thời gian tham dự	40	Không được vắng quá 1/4 số tiết lý thuyết theo quy định			

Rubric 2: Đánh giá thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Thái độ tham dự	20	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Không tham gia thảo luận và chia sẻ
Kết quả thực hành	40	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
	30	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng

Báo cáo thực hành	10	Đúng format và đúng hạn	Điểm tùy theo mức độ đáp ứng
-------------------	----	-------------------------	------------------------------

Rubric 3 : Đánh giá giữa kỳ

Thi giữa kỳ: dạng bài thi tự luận. Bắt buộc tham gia đầy đủ và đánh giá theo đáp án

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMĐ của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Các khái niệm về sinh sản trên gia súc	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ báo 1: Trình bày bản chất sinh học của sinh sản hữu tính - Chỉ báo 2: Trình bày cơ chế sinh lý điều tiết sinh sản hữu tính Chỉ báo 3: Trình bày tính thành thực ở động vật có vú - Chỉ báo 4: Trình bày sinh lý sinh dục của gia súc đực - Chỉ báo 5: Trình bày sinh lý sinh dục của gia súc cái - Chỉ báo 6: Trình bày sinh lý quá trình thụ tinh ở gia súc 	K1

Rubric 4 : Đánh giá cuối kỳ

Thi cuối kỳ: dạng bài thi tự luận. Bắt buộc tham gia đầy đủ và đánh giá theo đáp án

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMĐ của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Các khái niệm về sinh lý sinh sản trên gia súc	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ báo 1: Trình bày bản chất sinh học của sinh sản hữu tính - Chỉ báo 2: Trình bày cơ chế sinh lý điều tiết sinh sản hữu tính Chỉ báo 3: Trình bày tính thành thực ở động vật có vú - Chỉ báo 4: Trình bày sinh lý sinh dục của gia súc đực - Chỉ báo 5: Trình bày sinh lý sinh dục của gia súc cái - Chỉ báo 6: Trình bày sinh lý quá trình thụ tinh ở gia súc 	K1
Các kỹ thuật sinh sản trên gia súc	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ báo 7: Trình bày kỹ thuật thụ tinh nhân tạo ở gia súc - Chỉ báo 8: Trình bày các hormone sinh sản và ứng dụng trong chăn nuôi-thú y - Chỉ báo 9: Trình bày kỹ thuật cấy truyền phôi ở gia súc - Chỉ báo 9: Trình bày kỹ thuật điều khiển giới tính ở gia súc 	

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Dự lớp: là điều kiện bắt buộc, sinh viên không được vắng mặt quá 25% số tiết theo quy định
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài thực hành, kiểm tra giữa kỳ mới đủ điều kiện thi cuối học kỳ.
- Sinh viên có đầy đủ giáo trình/ bài giảng của học phần và chuẩn bị bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Trong giờ chú ý nghe giảng, không gây mất trật tự làm ảnh hưởng đến sinh viên khác.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

- Trần Tiến Dũng Dương Đình Long, Nguyễn Văn Thanh (2002). Sinh sản gia súc. NXB Đại học Nông nghiệp, Hà Nội. 230 trang.
- Nguyễn Văn Thanh (chủ biên). 2016. Công nghệ sinh sản vật nuôi. NXB Đại học Nông nghiệp. Hà Nội. 346 trang

* Tài liệu tham khảo khác:

- Geaffrey H. Antur Bailliere Tindall. 1975. Veterinary reproduction and obstetrics.
- Ian Gordon. 1996. Controlled reproduction in farm animals. Dublin - Ireland - Lab. International.
- G.M. Stone and G. Evans. 1996. Animal reproduction: Research and practice. Elsevier – Netherland.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1	Chương 1: Tính thành thực của động vật	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 1.1. Bản chất sinh học của sinh sản hữu tính 1.2. Cơ chế sinh lý điều tiết quá trình sinh sản hữu tính 1.3. Tính thành thực ở động vật có vú 1.4. Tuổi thành thực về thể vóc của gia súc Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (2 tiết) - Các chỉ tiêu đánh giá sự thành thực ở gia súc đực và cái	K1, K2, K3, K4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) - Cơ chế sinh lý điều tiết quá trình sinh sản hữu tính ở gia súc - Tuổi thành thực về tính ở gia súc và các yếu tố ảnh hưởng tới tính thành thực	K1, K4
2	Chương 2: Hoạt động sinh sản của gia súc đực	

	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 2.1. Giải phẫu cơ quan sinh dục đực 2.2. Tinh dịch 2.3. Tế bào sinh dục đực (Tinh trùng) 2.4. Tinh thanh</p> <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (2 tiết) Giải phẫu cơ quan sinh dục gia súc đực</p>			K1, K2, K3, K4
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) - Giải phẫu cơ quan sinh dục đực của một số loài gia súc cơ bản - Cấu tạo tế bào sinh dục đực (tinh trùng)</p>			K1, K4
	<p>Chương 3. Hoạt động sinh sản của gia súc cái</p>			
3	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 3.1. Giải phẫu cơ quan sinh dục gia súc cái 3.2. Tế bào sinh dục cái 3.3. Chu kỳ sinh dục ở gia súc cái</p> <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (2 tiết) - Giải phẫu cơ quan sinh dục gia súc cái</p>			K1, K2, K3, K4
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) - Cấu tạo giải phẫu cơ quan sinh dục gia súc cái của một số loài gia súc cơ bản - Cấu tạo tế bào sinh dục cái (trứng) - Chu kỳ sinh dục của gia súc cái: khái niệm, các giai đoạn, đặc điểm chu kỳ sinh dục của một số loài gia súc</p>			K1, K4
	<p>Chương 4: Quá trình thụ tinh</p>			
4	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 4.1. Đặc điểm và các hình thức giao phối 4.2. Phương thức thụ tinh 4.3. Sự di chuyển của trứng, tinh trùng và thời gian sống của tinh trùng trong cơ quan sinh dục cái 4.4. Quá trình thụ tinh</p> <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (2 tiết) - Các hình thức giao phối ở gia súc</p>			K1, K2, K3, K4
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) 4.5. Sự di chuyển của trứng, tinh trùng trong đường sinh dục gia súc cái; thời gian sống của tinh trùng trong cơ quan sinh dục gia súc cái 4.6. Sinh lý quá trình thụ tinh: khái niệm, các giai đoạn, ý nghĩa</p>			K1, K4
5	<p>Chương 5: Hormone và ứng dụng trong sinh sản</p>			

5	<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 5.1. Những vấn đề chung 5.2. Một số hormone chủ yếu và chế phẩm của nó ứng dụng trong sinh sản. 5.3. Một số ứng dụng hormone để nâng cao năng suất sinh sản 5.4. Kết luận Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (2 tiết) - Kỹ thuật sử dụng hormone trong sinh sản gia súc</p>	K1, K2, K3, K4
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) 5.5. Hormone sinh sản: khái niệm, các hormone liên quan tới sinh sản gia súc. - Ứng dụng các chế phẩm hormone nhằm nâng cao năng suất trong sinh sản gia súc</p>	K1, K4
6	<p>Chương 6: Kỹ thuật thụ tinh nhân tạo gia súc</p>	
	<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 6.1. Những vấn đề chung 6.3. Cơ sở khoa học của kỹ thuật TTNTGS 6.4. Lợi ích kinh tế - kỹ thuật của công tác TTNTGS 6.5. Kỹ thuật khai thác tinh dịch gia súc 6.6. Một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng tinh dịch 6.7. Kiểm tra tinh dịch gia súc 6.8. Pha chế, bảo tồn, vận chuyển tinh dịch 6.9. Bảo tồn tinh dịch 6.10. Vận chuyển tinh dịch 6.11. Dẫn tinh Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (2 tiết) - Phương pháp khai thác tinh dịch ở gia súc - Kiểm tra tinh dịch gia súc: màu sắc, mùi, độ pH, hoạt lực, nồng độ, tỷ lệ tinh trùng kỳ hình, sức kháng. - Kỹ thuật bảo quản tinh dịch gia súc - Kỹ thuật dẫn tinh cho gia súc</p>	K1, K2, K3, K4
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (21 tiết) - Các kỹ thuật khai thác tinh dịch ở gia súc đực - Kỹ thuật kiểm tra tinh dịch gia súc - Kỹ thuật chế tạo môi trường và cách pha chế tinh dịch - Các phương pháp bảo tồn tinh dịch gia súc - Phương pháp dẫn tinh cho một số loài gia súc</p>	
7	<p>Chương 7. Công nghệ cấy truyền phôi</p>	

	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (4 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>7.1. Lịch sử phát triển của công nghệ cấy truyền phôi</p> <p>7.2. Công nghệ cấy truyền phôi bò</p> <p>7.3. Công nghệ cấy truyền phôi ở dê – cừu</p> <p>7.4. Công nghệ cấy truyền phôi ở trâu</p> <p>7.5. Công nghệ cấy truyền phôi ở ngựa</p> <p>7.6. Công nghệ cấy truyền phôi ở lợn</p> <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp gây siêu bài noãn ở gia súc cho phôi - Phương pháp gây động dục đồng pha ở gia súc nhận phôi - Phương pháp thu phôi từ tử cung gia súc cho phôi bằng phương pháp không phẫu thuật thông qua giới rừa - Phương pháp cấy truyền phôi <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nội dung của công nghệ cấy truyền phôi bò - Các nội dung của công nghệ cấy truyền phôi ở dê – cừu - Các nội dung của công nghệ cấy truyền phôi ở trâu - Các nội dung của công nghệ cấy truyền phôi ở ngựa - Các nội dung của công nghệ cấy truyền phôi ở lợn 	K1, K2, K3, K4
	<p>Chương 8. Khái quát về điều khiển giới tính trong sinh sản vật nuôi</p>	
8	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>8.1. Những vấn đề chung</p> <p>8.2. Khái quát các biện pháp điều khiển giới tính</p> <p>8.3. Kết luận</p> <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh phân ly giới tính và ứng dụng trên thụ tinh nhân tạo bò <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phương pháp điều khiển giới tính ở gia súc 	K1, K2, K3, K4

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học rộng rãi, đầy đủ tiện nghi dạy học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Có phương tiện nghe, nhìn, projector, máy tính.
- Các phương tiện khác: động vật để thí nghiệm

X. Các đợt cải tiến


- Lần 1: 7/2018
- Lần 2: 7/2019
- Lần 3: 7/2020
- Lần 4: 7/2021

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

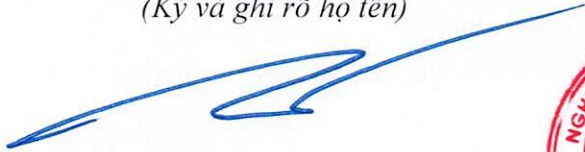
TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)


Đỗ Thị Kim Lành

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)


TS. Đỗ Thị Kim Lành

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)



Bùi Trần Anh Đào

KT. GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)




PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Sĩ Thanh Long	Học hàm, học vị: PGS Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Ngoại sản, Thú y	Điện thoại liên hệ: 0904870888
Email: sulongjp@yahoo.com	Trang web: https://khoathuy.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email, điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Văn Thanh	Học hàm, học vị: PGS, Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Ngoại sản, Khoa Thú y	Điện thoại liên hệ: 0903252370
Email: nvthanh@vnua.edu.vn	Trang web: https://khoathuy.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email, điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Thơ	Học hàm, học vị: Bác sĩ thú y
Địa chỉ cơ quan: Ngoại sản, Thú y	Điện thoại liên hệ: 0986625792
Email: ntmtho@hua.edu.vn	Trang web: https://khoathuy.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email, điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Công Toàn	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Ngoại sản, Thú y	Điện thoại liên hệ: 0904171336
Email: toan.hua@gmail.com	Trang web: https://khoathuy.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email, điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Bùi Văn Dũng	Học hàm, học vị: Bác sĩ thú y
Địa chỉ cơ quan: Ngoại sản, Thú y	Điện thoại liên hệ: 0948116797
Email: dungbv.hua@gmail.com	Trang web: https://khoathuy.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email, điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Hoài Nam	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Ngoại sản, Thú y	Điện thoại liên hệ: 01648899803
Email: hoainam26061982@yahoo.com	Trang web: https://khoathuy.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email, điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Đỗ Thị Kim Lành	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Ngoại sản, Thú y	Điện thoại liên hệ: 0985581556
Email: dtklanh@vnua.edu.vn	Trang web: https://khoathuy.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email, điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Đức Trường	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Ngoại sản, Khoa Thú y	Điện thoại liên hệ: 0914506083
Email: ductruonghua@gmail.com	Trang web: https://khoathuy.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: điện thoại, email	